

Số: 04-07/2023/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/578-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-soat-xet-nam-2023>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên đã được
soát xét năm 2023

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



PHẠM THỊ NGỌC NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2023

Tháng 8 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



[Handwritten signature]
Vũ Thị Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Số: 391/2023/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		524.912.877.849	561.460.392.378
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.461.893.768	10.852.051.281
Tiền	111		461.893.768	852.051.281
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		514.133.200.363	500.337.057.963
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	566.701.361.323	566.369.527.340
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	105.236.718.893	76.948.704.893
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	341.759.965	334.045.389
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(158.146.639.818)	(143.315.219.659)
Hàng tồn kho	140	10	-	50.039.495.798
Hàng tồn kho	141		-	50.039.495.798
Tài sản ngắn hạn khác	150		317.783.718	231.787.336
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.203.668	1.369.770
Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.580.050	20.417.566
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	250.000.000	210.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.126.798.203	16.994.632.435
Tài sản cố định	220		12.117.990.617	12.759.327.989
Tài sản cố định hữu hình	221	12	12.117.990.617	12.759.327.989
- Nguyên giá	222		20.597.334.495	20.597.334.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.479.343.878)	(7.838.006.506)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	-	4.219.882.432
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	4.560.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(340.117.568)
Tài sản dài hạn khác	260		8.807.586	15.422.014
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.807.586	15.422.014
TỔNG TÀI SẢN	270		537.039.676.052	578.455.024.813

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.171.778.446	92.929.398.243
Nợ ngắn hạn	310		38.171.778.446	92.112.731.588
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.631.656.000	6.980.833.810
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		156.260.843	214.783.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.025.457	56.354.803
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	762.945.325	34.842.535.241
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	17.843.666.684	42.241.999.997
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
Nợ dài hạn	330		-	816.666.655
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	816.666.655
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		498.867.897.606	485.525.626.570
Vốn chủ sở hữu	410	17	498.867.897.606	485.525.626.570
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(206.874.731.691)	(220.217.002.727)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(220.217.002.727)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.342.271.036	(138.700.489.817)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		537.039.676.052	578.455.024.813

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	311.181.253.000	41.035.199.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		311.181.253.000	41.035.199.710
Giá vốn hàng bán	11	19	310.061.791.684	41.360.542.405
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.119.461.316	(325.342.695)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	295.246.103	166.594.779
Chi phí tài chính	22	21	(251.613.787)	(43.078.824.051)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.254.178	18.092.437.915
Chi phí bán hàng	25	22	27.093.552	80.564.748
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	17.165.804.273	2.481.287.538
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.526.576.619)	40.358.223.849
Thu nhập khác	31	23	29.083.961.108	36.377.036.926
Chi phí khác	32	24	215.113.453	74.719.545.455
Lợi nhuận khác	40		28.868.847.655	(38.342.508.529)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.342.271.036	2.015.715.320
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	710.867.299
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.342.271.036	1.304.848.021
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	192	19
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	192	19

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		13.342.271.036	2.015.715.320
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		641.337.372	730.424.085
Các khoản dự phòng	03		14.491.302.591	(62.221.556.758)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.425)	548.933.911
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(294.995.075)	74.553.220.676
Chi phí lãi vay	06		88.254.178	18.092.437.915
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.268.168.677	33.719.175.149
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.650.072.101)	47.105.107.542
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.039.495.798	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(31.853.425.943)	(135.556.721.966)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.780.530	31.388.984
Tiền lãi vay đã trả	14		2.204.821.640	(66.298.302.086)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.000.000)	(695.621.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.975.768.601	(121.694.974.011)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.965.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.560.000.000	447.600.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		288.912.883	167.228.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.848.912.883	453.632.228.889
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.714.999.968)	(327.980.499.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.214.999.968)	(327.980.499.986)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(390.318.484)	3.956.754.892

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	10.852.051.281	13.097.514.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		160.971	2.309.459
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	10.461.893.768	17.056.578.371

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Yên Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2023 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 21 người (tại ngày 31/12/2022 là 27 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy).

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, Công ty được miễn giảm tiền lãi vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ (viết tắt AZ) - là đơn vị đã mua lại khoản nợ gốc và lãi vay của Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức. Theo biên bản làm việc số 15/02/2023/BBLVF ngày 15/02/2023 giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS) và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ thì AZ đồng ý cho QBS thanh toán toàn bộ gốc (50 tỷ đồng) và lãi vay (5 tỷ đồng) trước ngày 31/03/2023. Đến ngày 23/03/2023 thì QBS đã thanh toán toàn bộ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trên. Do đó số tiền được miễn giảm là 29.083.961.108 đồng được ghi nhận vào thu nhập khác trên báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023. Điều này làm cho Công ty phát sinh khoản lãi lớn. Nếu không được ghi nhận khoản lãi này thì công ty sẽ ghi nhận khoản lỗ 15,7 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến Kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty lãi 13,3 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.6 CẦU TRÚC CÔNG TY

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

02007
CÔNG
CỔ
XUẤT NH
QUẢNG
BÌNH

h

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

3087
3 TY
HÂN
LẬP K
G BỈ
G-TP

th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	132.137.924	279.801.979
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	329.755.844	572.249.302
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.461.893.768	10.852.051.281

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 5,3%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***Mẫu số B09a-DN****5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	-	-	-	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)
Cộng	-	-	-	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***Mẫu số B09a-DN****6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	566.701.361.323	(151.312.306.489)	566.369.527.340	(136.480.886.330)
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thủy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(6.716.683.044)
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	162.693.850.000	(4.493.205.000)	106.841.350.000	(4.493.205.000)
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	-	-	154.341.017.458	(14.856.000.000)
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
- Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	-	-	6.582.754.985	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	132.458.750.000	(25.514.955.000)	119.994.850.000	-
- Công ty Cổ Phần XNK Hà Nội	146.044.350.000	-	51.740.000.000	-
- Khách hàng khác	8.593.076.836	(4.392.812.002)	9.958.220.410	(3.098.925.291)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	566.701.361.323	(151.312.306.489)	566.369.527.340	(136.480.886.330)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUĂNG BÌNH

Số 23 lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Mẫu số B09a-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	105.236.718.893	(6.685.116.707)	76.948.704.893	(6.685.116.707)
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	97.059.950.000	-	35.222.400.000	-
- Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	31.280.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	2.265.000.000	-
- Khách hàng khác	3.710.942.981	(2.219.290.795)	3.715.478.981	(2.219.290.795)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	105.236.718.893	(6.685.116.707)	76.948.704.893	(6.685.116.707)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	341.759.965	(149.216.622)	334.045.389	(149.216.622)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.410.959	-	72.328.767	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
- Phải thu khác	150.849.006	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	341.759.965	(149.216.622)	334.045.389	(149.216.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	30/06/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị VND	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912
- Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538
- Công ty CP EEI	210.000.000	-	210.000.000	210.000.000	210.000.000	-	210.000.000	210.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	4.650.000	4.650.000	-	4.650.000	4.650.000
- Al Hamd Argo Food Products PVT Co.,Ltd	701.400.000	-	701.400.000	701.400.000	701.400.000	-	701.400.000	701.400.000
- ALRVAK Co.,Ltd	698.436.360	-	698.436.360	698.436.360	698.436.360	-	698.436.360	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT Co.,Ltd	115.260.000	-	115.260.000	115.260.000	115.260.000	-	115.260.000	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co.,Ltd	76.440.621	22.932.186	53.508.435	76.440.621	76.440.621	22.932.186	53.508.435	53.508.435
- Iber Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	208.071.000	208.071.000	-	208.071.000	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	114.120.000	114.120.000	-	114.120.000	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	113.845.000	113.845.000	-	113.845.000	113.845.000
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	43.647.749	43.647.749	-	43.647.749	43.647.749
- YonShing Trade Co.,Ltd	191.679.004	-	191.679.004	191.679.004	191.679.004	-	191.679.004	191.679.004
- Cano Pus Inter -Trade Pte Co.,Ltd	149.216.622	-	149.216.622	149.216.622	149.216.622	-	149.216.622	149.216.622
- Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy TP Nam Ninh	9.595.261.492	-	9.595.261.492	9.595.261.492	9.595.261.492	2.878.578.448	6.716.683.044	6.716.683.044
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	107.316.072.995	107.316.072.995	-	107.316.072.995	107.316.072.995
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	37.427.350.000	32.934.145.000	4.493.205.000	37.427.350.000	37.427.350.000	32.934.145.000	4.493.205.000	4.493.205.000
- Công ty CP Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	-	-	-	85.861.577.458	85.861.577.458	71.005.577.458	14.856.000.000	14.856.000.000
- Công ty SW Intertrade Trading	3.006.399.000	1.712.512.289	1.293.886.711	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	85.049.850.000	59.534.895.000	25.514.955.000	-	-	-	-	-
Cộng	252.351.124.293	94.204.484.475	158.146.639.818	250.156.452.751	250.156.452.751	106.841.233.092	143.315.219.659	143.315.219.659

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	-	-	50.039.495.798	-
Cộng	-	-	50.039.495.798	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.203.668	1.369.770
- Các khoản khác	1.203.668	1.369.770
Dài hạn	8.807.586	15.422.014
- Công cụ dụng cụ phân bổ	5.076.764	8.935.856
- Các khoản khác	3.730.822	6.486.158
Cộng	10.011.254	16.791.784



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	11.173.964.082	397.272.773	8.194.976.816	831.120.824	20.597.334.495
30/06/2023	11.173.964.082	397.272.773	8.194.976.816	831.120.824	20.597.334.495
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(2.083.659.386)	(397.272.773)	(4.554.237.561)	(802.836.786)	(7.838.006.506)
- Khấu hao trong kỳ	(227.547.960)	-	(409.748.838)	(4.040.574)	(641.337.372)
30/06/2023	(2.311.207.346)	(397.272.773)	(4.963.986.399)	(806.877.360)	(8.479.343.878)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	9.090.304.696	-	3.640.739.255	28.284.038	12.759.327.989
30/06/2023	8.862.756.736	-	3.230.990.417	24.243.464	12.117.990.617

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 2.382.731.017 VND, tại ngày 01/01/2023 là 10.033.119.013 VND;

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 1.338.586.997 VND, tại ngày 01/01/2023 là 1.050.556.997 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	11.631.656.000	11.631.656.000	6.980.833.810	6.980.833.810
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	4.645.050.000	4.645.050.000	-	-
- Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Fagro International Trading Fze	2.903.488.736	2.903.488.736	2.885.758.440	2.885.758.440
- Khác hàng khác	1.932.255.264	1.932.255.264	1.944.213.370	1.944.213.370
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	11.631.656.000	11.631.656.000	6.980.833.810	6.980.833.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
	55.749.178	15.300.000	71.049.178	-
	605.625	3.659.278	3.239.446	1.025.457
	-	4.000.000	4.000.000	-
	-	-	-	-
	56.354.803	22.959.278	78.288.624	1.025.457

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
	210.000.000	-	40.000.000	250.000.000
	210.000.000	-	40.000.000	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	17.843.666.684	17.843.666.684	26.098.833.325	50.497.166.638	42.241.999.997	42.241.999.997
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức	-	-	-	24.265.000.000	24.265.000.000	24.265.000.000
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	24.265.000.000	24.265.000.000	-	-
Vay cá nhân (1)	17.577.000.000	17.577.000.000	1.500.000.000	-	16.077.000.000	16.077.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	266.666.684	266.666.684	333.833.325	1.967.166.638	1.899.999.997	1.899.999.997
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (2)	266.666.684	266.666.684	333.833.325	1.967.166.638	1.899.999.997	1.899.999.997
Vay dài hạn	-	-	-	816.666.655	816.666.655	816.666.655
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (2)	-	-	-	816.666.655	816.666.655	816.666.655
Cộng	17.843.666.684	17.843.666.684	26.098.833.325	51.313.833.293	43.058.666.652	43.058.666.652

Vay và nợ thuế tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 30/06/2023:

(1) Vay cá nhân:

Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp;

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTĐ; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	762.945.325	34.842.535.241
- Kinh phí công đoàn	21.456.616	16.160.424
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	-	34.083.961.108
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	742.413.709
Dài hạn	-	-
Cộng	762.945.325	34.842.535.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387
- Lãi trong năm trước	-	-	-	(138.700.489.817)	(138.700.489.817)
31/12/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(220.217.002.727)	485.525.626.570
01/01/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(220.217.002.727)	485.525.626.570
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	13.342.271.036	13.342.271.036
30/06/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(206.874.731.691)	498.867.897.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	92.005.790.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	601.293.490.000	601.293.490.000
Cộng	693.299.280.000	693.299.280.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



h

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu	311.181.253.000	41.035.199.710
- Doanh thu bán hàng	310.341.000.000	40.020.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	840.253.000	1.015.199.710
Cộng	311.181.253.000	41.035.199.710

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	309.745.745.798	39.357.857.434
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	316.045.886	2.002.684.971
Cộng	310.061.791.684	41.360.542.405

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.995.075	166.324.779
- Lãi bán các khoản đầu tư	40.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	251.028	270.000
Cộng	295.246.103	166.594.779

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lãi vay	88.254.178	18.092.437.915
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	249.603	548.933.911
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(340.117.568)	(61.720.195.877)
Cộng	(251.613.787)	(43.078.824.051)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	17.165.804.273	2.481.287.538
- Chi phí nhân viên quản lý	1.297.986.600	1.657.836.311
- Chi phí đồ dùng văn phòng	23.302.626	37.057.580
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	591.947.934	627.563.451
- Thuế, phí và lệ phí	-	6.513.660
- Chi phí dự phòng	14.831.420.159	(501.360.881)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.216.304	613.091.986
- Chi phí bằng tiền khác	63.930.650	40.585.431
Các khoản chi phí bán hàng	27.093.552	80.564.748
- Chi phí khấu hao TSCĐ	27.093.552	80.564.748
Cộng	17.192.897.825	2.561.852.286

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm (*)	29.083.961.108	36.377.036.926
Cộng	29.083.961.108	36.377.036.926

(*) Công ty được miễn giảm lãi tiền vay theo biên bản làm việc số 15/02/2023/BBLVF ngày 15/02/2023 giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ.

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	74.400.000.000
- Xử lý dự án đầu tư	-	319.545.455
- Các khoản chi phí khác	215.113.453	-
Cộng	215.113.453	74.719.545.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.342.271.036	2.015.715.320
Các khoản chi phí không được khấu trừ	342.305.776	1.538.621.175
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.684.576.812	-
- Chuyển lỗ các năm trước	13.684.576.812	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	3.554.336.495
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	710.867.299

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.342.271.036	1.304.848.021
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	192	19

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	23.302.626	37.057.580
- Chi phí nhân công	1.297.986.600	1.657.836.311
- Khấu hao tài sản cố định	641.337.372	730.424.085
- Chi phí dự phòng	14.831.420.159	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.216.304	1.228.091.986
- Chi phí bằng tiền khác	357.680.650	911.127.295
Cộng	17.508.943.711	4.564.537.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong kỳ, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 99,7% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ (*)	Công ty con đến ngày 28/6/2022
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Dịch vụ thuê kho	-	615.000.000
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Cho vay	-	2.100.000.000
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Thu tiền cho vay	-	1.965.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Trả gốc tiền vay	-	7.490.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	-	4.810.000.000

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	14.077.000.000	14.077.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Mẫu số B09a-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	114.228.138	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm ngày 21/07/2022)	-	121.521.790
- Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	88.162.897	90.026.637
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	67.687.538	64.036.897
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	68.702.029	64.036.897
- Ông Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	65.970.355	62.240.242
Cộng		404.750.957	401.862.463

30.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương